CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP

Ngày 31/03/2024	12,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.8%	**-**	**-7.5%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 39,368
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,575
Số lượng CPLH (CP)	127,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,020
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.10
EPS	499
P/E	24.8

DT thuần
Q1/24
290
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.0| -9.4%
YoY: ▼39.0| -11.9%

LN thuần
Q1/24
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.4| 183%
YoY: ▼1.80| -12.9%

LN sau thuế
Q1/24
8.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.4| 141%
YoY: ▲ 0.93| 12.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
7.1%
YoY: +/-▲ 8.4%

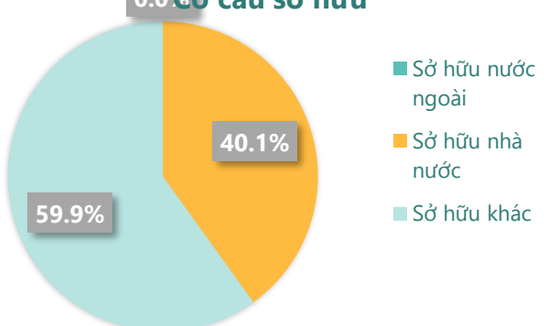
ROE (TTM)
Q1/24
3.9%
YoY: +/-▲ 0.5%

DT thuần
2023
1,325
tỷ VNĐ
YoY: ▼311| -19.0%

LN thuần
2023
75.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼59.2| -43.8%

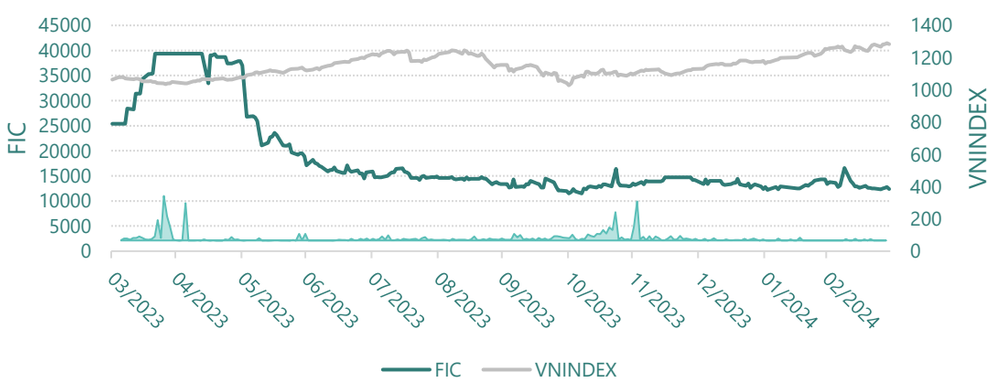
LN sau thuế
2023
55.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼59.4| -51.6%

Cơ cấu sở hữu

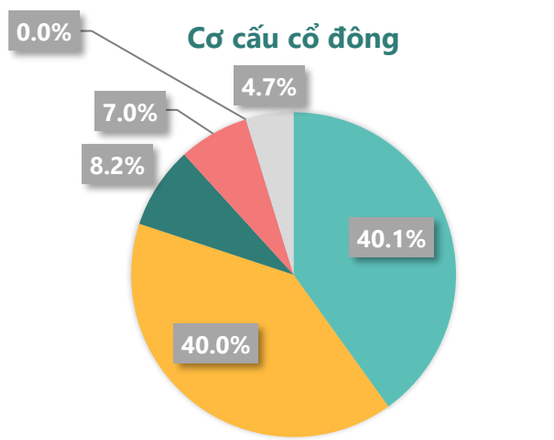


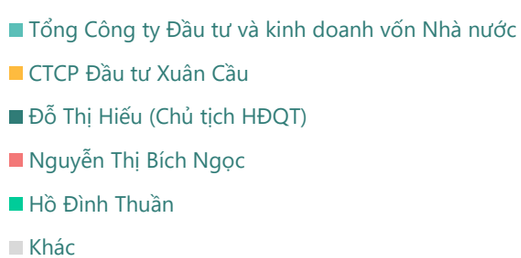
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

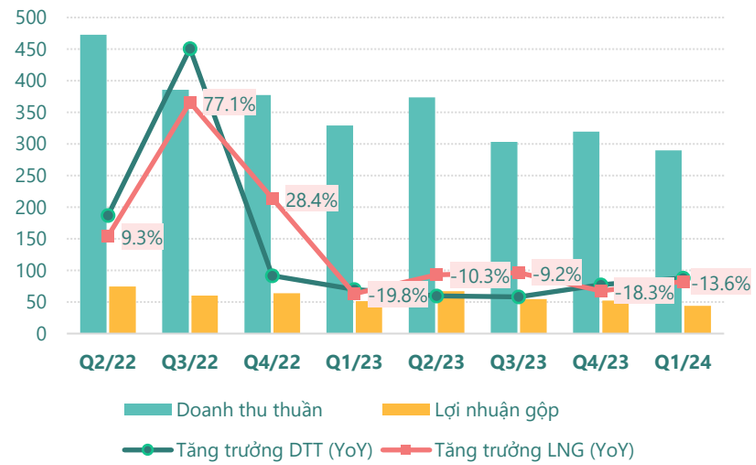




(Nguồn: fireant.vn)

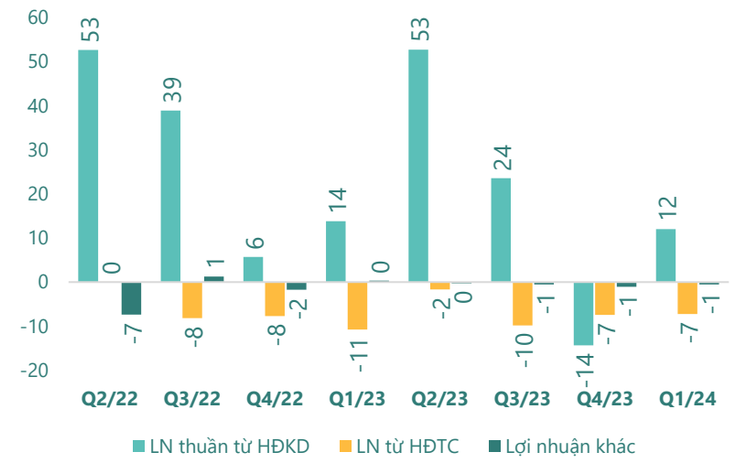
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



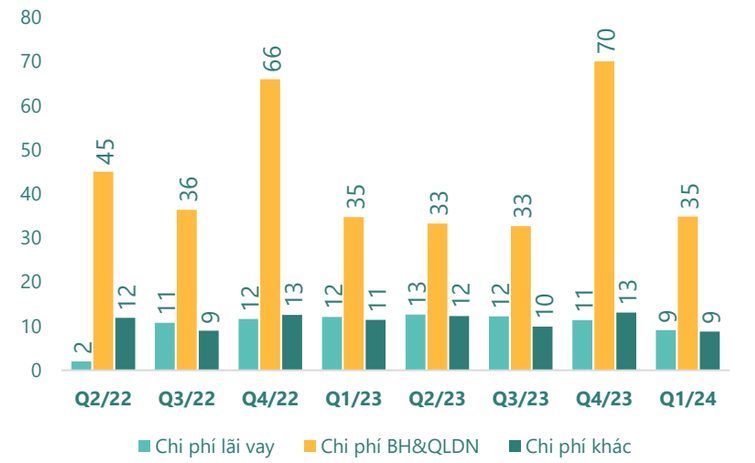
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



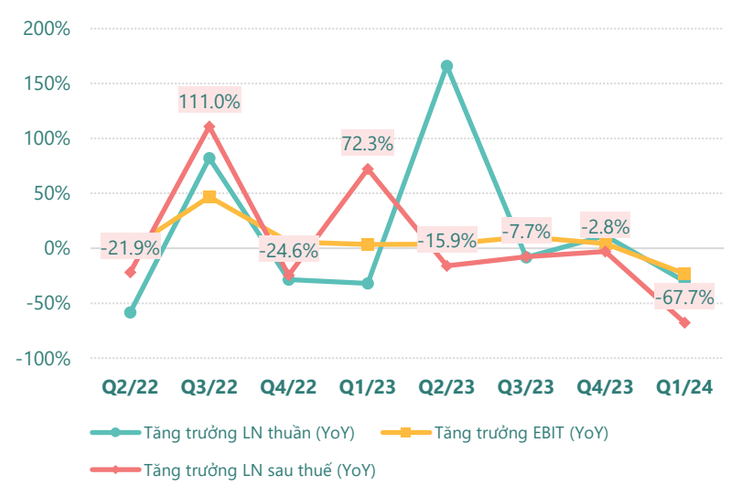
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



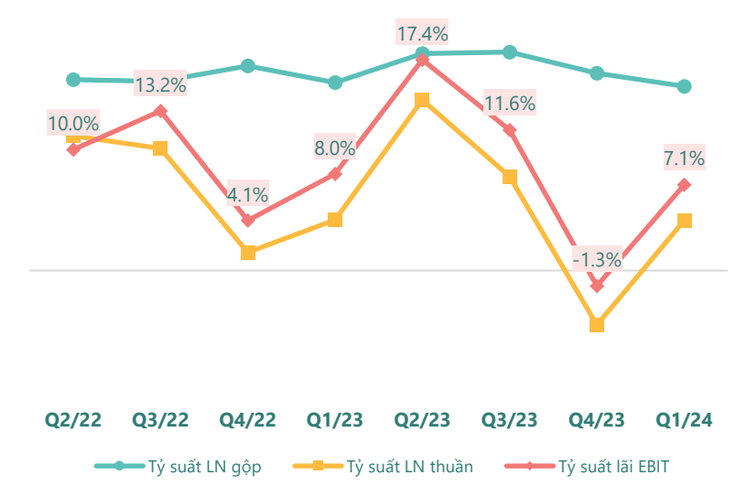
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



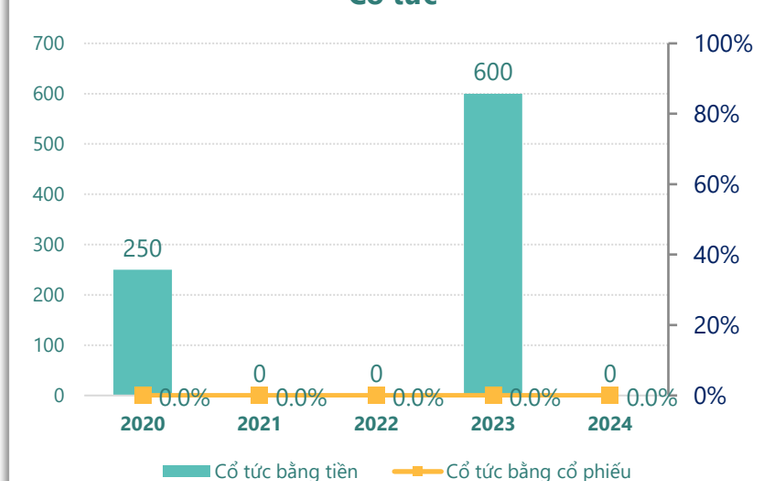
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

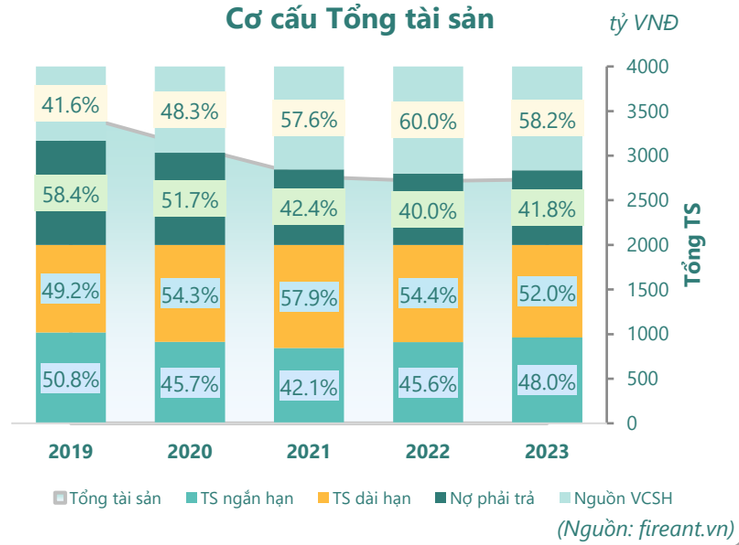
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

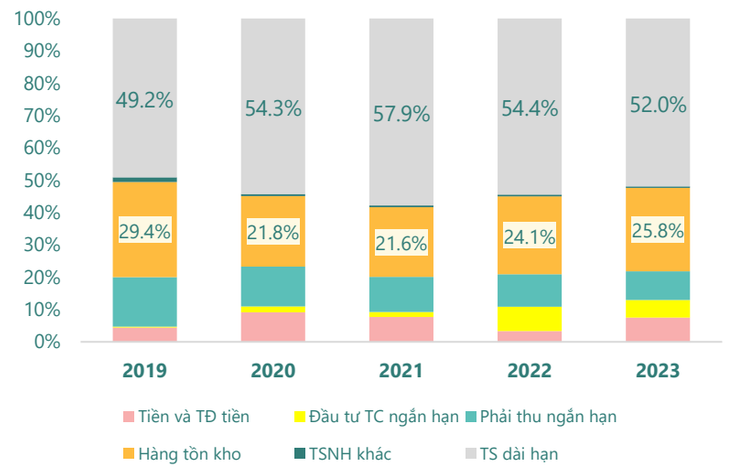
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



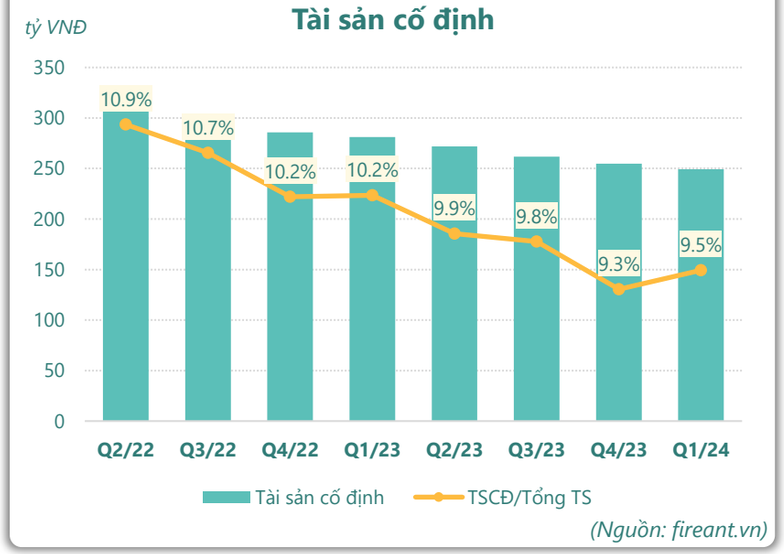
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



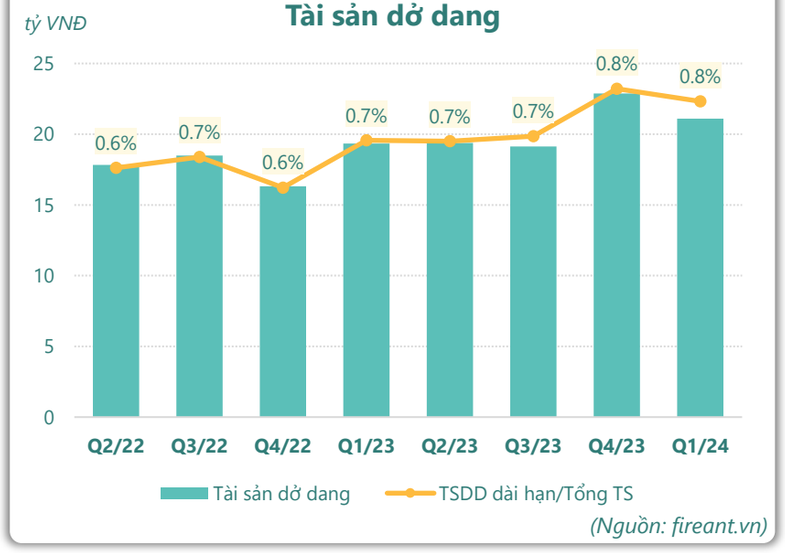
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



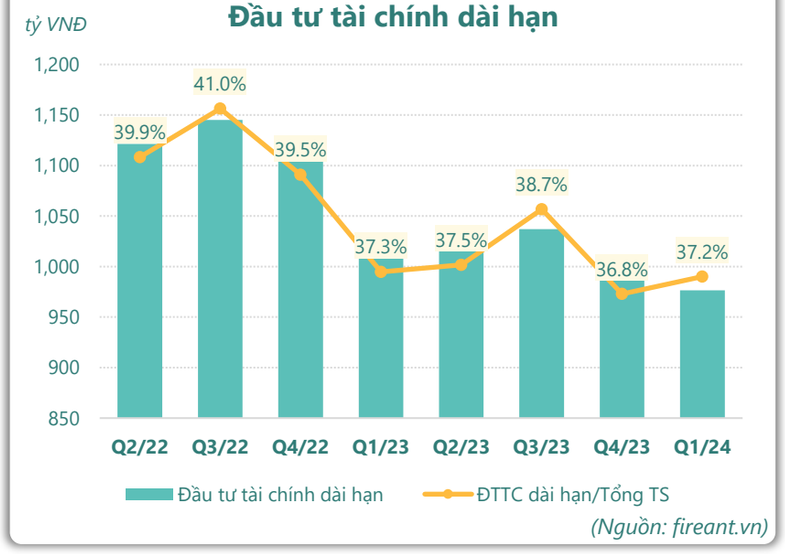
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



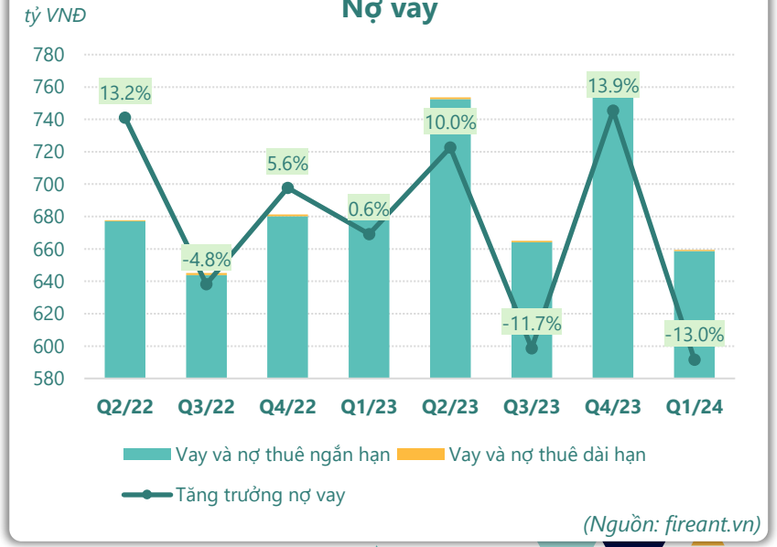
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

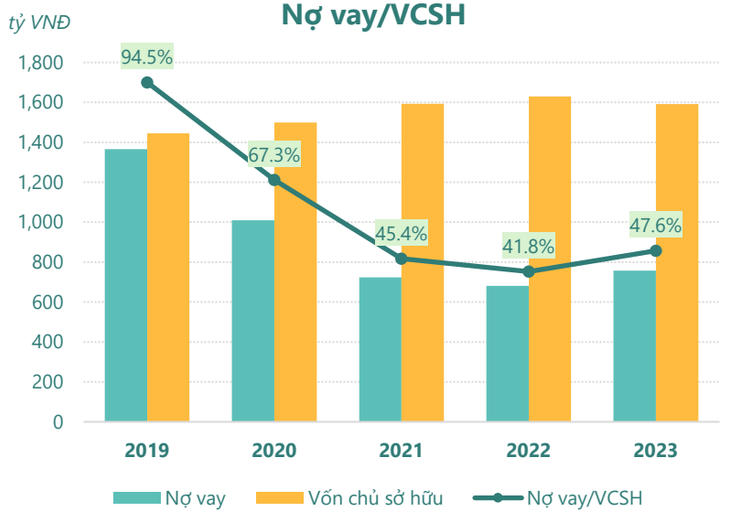
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

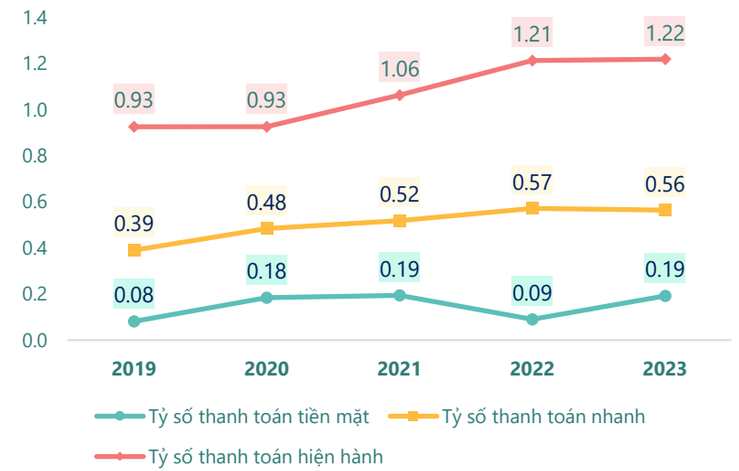
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



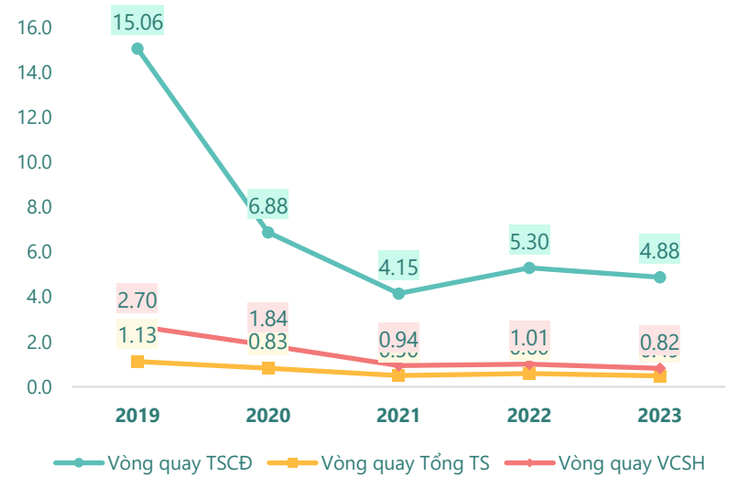
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



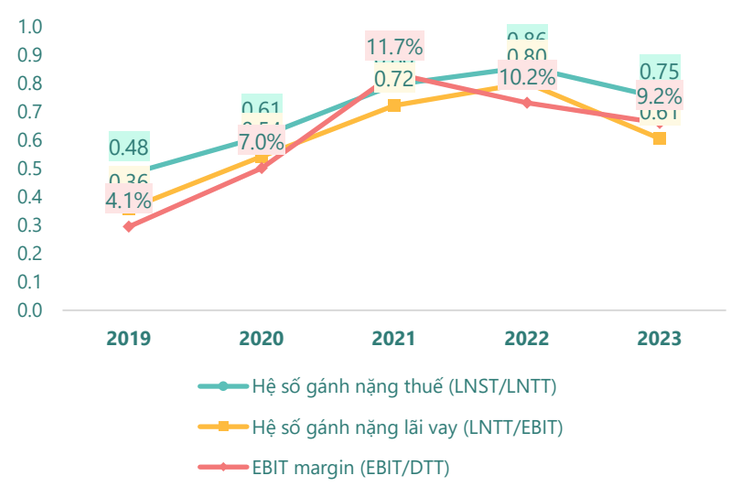
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



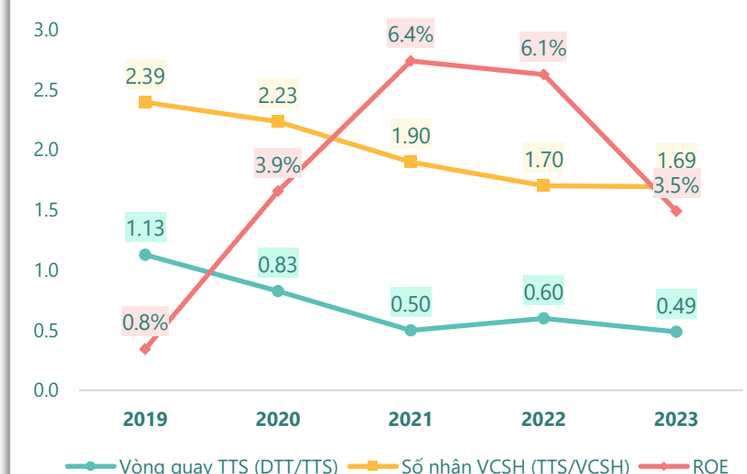
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



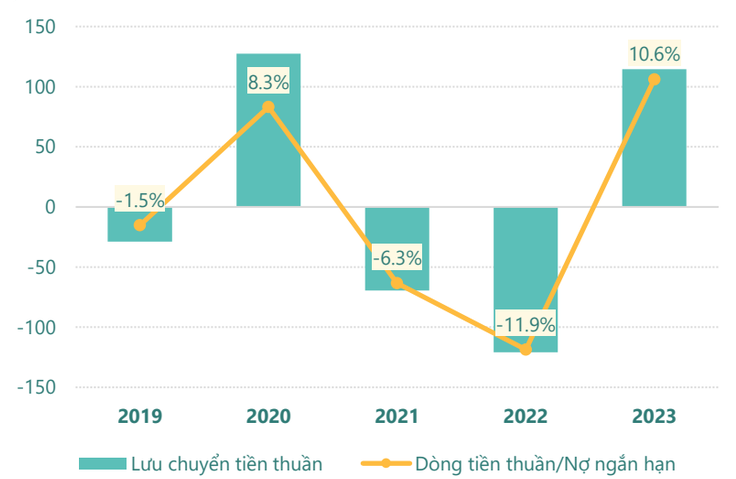
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**290**	**329**	**-11.9%**	**1,325**	**1,636**	**-19.0%**
Giá vốn hàng bán	246	278	-11.6%	1,100	1,373	-19.9%
Lợi nhuận gộp	44.2	51.1	-13.6%	225	263	-14.2%
Doanh thu HĐTC	1.91	1.53	25.1%	19.4	11.9	63.1%
Chi phí TC	9.12	12.3	-25.8%	48.9	39.0	25.2%
Chi phí lãi vay	9.09	12.1	-24.9%	48.3	33.3	45.3%
LN trong công ty LKLD	**9.94**	**8.20**	**21.3%**	**50.8**	**80.8**	**-37.1%**
Chi phí bán hàng	6.11	6.36	-3.9%	28.4	42.0	-32.4%
Chi phí QLDN	**28.8**	**28.4**	**1.3%**	**142**	**139**	**2.1%**
LN thuần từ HĐKD	12.0	13.8	-12.9%	75.8	135	-43.8%
Lợi nhuận khác	**-0.55**	**0.36**	**-253%**	**-1.61**	**-0.85**	**-88.5%**
LN trước thuế	11.5	14.2	-19.2%	74.2	134	-44.6%
Lợi nhuận sau thuế	**8.49**	**7.56**	**12.4%**	**55.6**	**115**	**-51.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.73**	**0.47**	**1544%**	**55.9**	**98.7**	**-43.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.4	0.21	1.00	2.93	39.1	23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.9	-2.70	81.0	4.14	-8.25	7.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.1	4.12	-11.5	-88.4	92.7	-98.3
Tiền đầu kỳ	127	92.1	93.7	164	83.0	207
Lưu chuyển tiền thuần	**-14.4**	**1.63**	**70.6**	**-81.3**	**124**	**-67.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	-0.01	0.01	0.03	-0.03	0.01
Tiền cuối kỳ	112	93.7	164	83.0	207	139

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,625**	**2,736**	**-4.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,246	1,314	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	139	207	-32.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	145	148	-2.4%
Phải thu ngắn hạn	244	242	0.7%
Hàng tồn kho	686	706	-2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	32.2	10.7	201%
Tài sản dài hạn	**1,380**	**1,421**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	33.4	33.0	1.2%
Tài sản cố định	249	255	-2.1%
Bất động sản đầu tư	11.8	12.1	-3.1%
Tài sản dở dang	21.1	22.9	-7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	977	1,006	-2.9%
Tài sản dài hạn khác	**59.9**	**63.5**	**-5.6%**
Lợi thế thương mại	27.6	29.2	-5.4%
Nợ phải trả	1,026	1,144	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**959**	**1,078**	**-11.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	659	757	-13.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	69.7	100	-30.6%
Nợ dài hạn	67.3	65.6	2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.74	0.85	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,599**	**1,592**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,599**	**1,592**	**0.4%**
Vốn điều lệ	1,270	1,270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)